

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2017
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Văn Hùng

2. Bà Đặng Thị Tiềm

-Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền- Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Võ Văn K, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

(Chị H có đơn xin vắng mặt. Anh K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 19/9/2017; các lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Võ Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai có quá nhiều bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau từ đó thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2016 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh K, quá trình hòa giải do anh K hứa sẽ

sửa đổi nên chị đã rút lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã ban hành Quyết định đình chỉ số 67/2016/QĐST- HNGĐ, ngày 24/10/2016. Sau đó, giữa chị và anh K vẫn không hòa hợp được, cả hai tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng hơn trước, hoàn toàn không thể hàn gắn được nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh K có hai người con chung gồm Võ Văn Đ, sinh năm 1988 và Võ Thị T, sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung chị H trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H.

Bị đơn anh Võ Văn K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh K.

- ***Về nội dung tranh chấp:*** Căn cứ vào lời trình bày cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Võ Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai có quá nhiều bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau từ đó thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2016 chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh K, quá trình hòa giải do anh K hứa sẽ sửa đổi nên chị đã rút lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã ban hành Quyết định đình chỉ số 67/2016/QĐST- HNGĐ, ngày 24/10/2016. Sau đó, giữa chị và anh K vẫn không hòa hợp được, cả hai tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng hơn trước, hoàn toàn không thể hàn gắn được.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh K có hai người con chung gồm Võ Văn Đ, sinh năm 1988 và Võ Thị T, sinh năm 1991.

Bị đơn anh Võ Văn K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản phản đối các tình tiết, sự kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do chị H trình bày và cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận các tình tiết, sự kiện cùng các tài liệu, chứng cứ mà chị H trình bày và cung cấp là đúng sự thật.

Xét thấy, chị H và anh K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986, không có đăng ký kết hôn nhưng căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp xác định quan hệ sống chung giữa anh chị là quan hệ vợ chồng. Xét, yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp quy định khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Các con chung đã thành niên và lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung chị H trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí DSST: Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Võ Văn K.

- **Về quan hệ con chung:** Chị H và anh K có hai người con chung gồm Võ Văn Đ, sinh năm 1988 và Võ Thị T, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Đương sự trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí DSST:** Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng, chị H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001045, ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, xem như chị H đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Võ Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tx Cai Lậy;
- Chi cục THADS Tx Cai Lậy;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ KIM DUNG